

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 02 năm 1993, ngành Hệ thống tự động xử lý thông tin và điều khiển, chuyên ngành: Hệ thống tự động xử lý thông tin và điều khiển

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách khoa Taskent, Cộng hoà Udobekistant/2 Universitetskaya road, Tashkent 100097, Uzbekistant

– Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 11 năm 1995, ngành Kỹ thuật tính toán và điều khiển, chuyên ngành: Điều khiển trong các hệ kỹ thuật

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện điều khiển học, Viện Hàn lâm Khoa học Uzbekistan/Uzbekistan, 700143, Tashkent, st. F.Khodzhaeva, 34

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: 28/12/2007, ngành: Tin học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Học máy, tin sinh học, khai phá dữ liệu, trí tuệ nhân tạo

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn (số lượng) 0 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
 - Đã công bố (số lượng) 21 bài báo KH trong nước, 49 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;
 - Đã được cấp (số lượng) 1 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó có 4 thuộc nhà xuất bản có uy tín.
- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Bài báo khoa học tiêu biểu								
TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Loại công bố (chỉ số IF)	Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học	Tập	Số	Trang	Năm xuất bản
1	Graph-based context-aware collaborative filtering (tác giả chính)	Tu Minh Phuong, Do Thi Lien, Nguyen Duy Phuong	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292)	Expert systems with applications (ISSN 0957-4174)	126		9-19	2019
2	Personalized recommendation of stories for commenting in forum-based social media	Ngo Xuan Bach, Nguyen Do Hai, Tu Minh Phuong	SCI (KHTN-CN) (IF: 5.524)	Information Sciences (ISSN 0020-0255)	352-353		48-60	2016
3	Predicting gene function using similarity learning (tác giả chính)	Tu Minh Phuong, Ngo Phuong Nhung	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.730)	BMC Genomics (ISSN 1471-2164)	14	(Sup4)/S4	1-12	2013
4	Multiple alignment of protein sequences with repeats and rearrangements (tác giả chính)	Tu Minh Phuong, Chuong Do, Robert Edga, Serafim Batzoglou	SCI (KHTN-CN) (IF: 11.147)	Nucleic acids research (ISSN 0305-1048)	34	20	5932-5942	2006

5	Regression trees for regulatory element identification (tác giả chính)	Tu Minh Phuong, Doheon Lee, Kwang Hyung Lee	SCI (KHTN-CN) (IF: 4.531)	Bioinformatics (ISSN 1367-4803)	20	5	750-757	2004
---	--	---	---------------------------	---------------------------------	----	---	---------	------

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
– Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Thông tin và truyền thông năm 2012, cấp Bộ Thông tin và Truyền thông. Mô tả: Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Thông tin và truyền thông năm 2012.
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):
Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn đối với nhà giáo: có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo: giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lí, chương trình giáo dục; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học; hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
Tổng số 17 năm.
Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	2	0	2	5	360	90	450/960
2	2014-2015	2	0	2	5	360	90	450/960
3	2015-2016	3	0	2	6	360	90	450/1085
3 thâm niên cuối								
1	2016-2017	3	0	2	2	270	60	330/850
2	2017-2018	2	0	2	5	270	60	330/925
3	2018-2019	2	0	2	6	270	60	330/950

3. Ngoại ngữ:
- 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh
- a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:
- Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:
- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm:
- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:
- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, hệ đào tạo chất lượng cao.
- d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:
- 3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL ITP 603
4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Duy Phương	✓		✓		01/2006 đến 04/2011	Đại học Công nghệ, ĐHQG Hà Nội	2011
2	Lương Nguyễn Hoàng Hoa	✓			✓	12/2008 đến 09/2013	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2013
3	Nguyễn Ngọc Điệp	✓		✓		08/2013 đến 01/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2017
4	Đặng Vũ Tùng	✓		✓		08/2013 đến 01/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Tác tử - công nghệ phần mềm hướng tác tử	Giáo trình (ĐH, SDH)	Khoa học và Kỹ thuật, 2006	3	Viết chung	Ngày 12/5/2006

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2	Giáo trình Hệ điều hành	Giáo trình (ĐH, SDH)	Thông tin và Truyền thông, 2016	1	Viết một mình	1322/QĐ-HV
3	Giáo trình Nhập môn trí tuệ nhân tạo	Giáo trình (ĐH, SDH)	Thông tin và Truyền thông, 2016	1	Viết một mình	1324/QĐ-HV
4	Trent R. (eds) Clinical Bioinformatics. Chương sách.	Sách tham khảo	Springer (Humana press), 2014	4	Viết chung	

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu các phương pháp phân tích và phát triển các công cụ tin sinh học nhằm giải quyết các bài toán quan trọng trong sinh học phân tử và ứng dụng (ĐT)	Chủ nhiệm	ĐTĐL 2010T/23, Nhà nước	01/2010 đến 12/2011	25/06/2012
2	Nghiên cứu các phương pháp học máy cho trường hợp sử dụng nhiều nguồn dữ liệu (ĐT)	Chủ nhiệm	102.01.10.09, Nhà nước	12/2009 đến 12/2013	31/12/2013
3	Ứng dụng intelligent agents trong thương mại điện tử (ĐT)	Chủ nhiệm	220-2001-TCT-AP-VT-34, Bộ/Sở	03/2001 đến 12/2001	17/04/2002

4	Nghiên cứu xây dựng hệ thống lọc thư rác có khả năng lọc thư rác tiếng Anh và tiếng Việt (ĐT)	Chủ nhiệm	100-06-KHKT-RD, Bộ/Sở	01/2006 đến 11/2006	30/03/2007
5	Nghiên cứu phát triển thử nghiệm hệ thống giám sát giao thông ứng dụng kỹ thuật học sâu cho nhận dạng hình ảnh (ĐT)	Chủ nhiệm	ĐT.020/18, Bộ/Sở	04/2018 đến 11/2018	03/12/2018

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1	A Gaussian mixture model for mobile location prediction	2	Proceedings of Int. Conf. on Advanced Communication Technology (ICACT 2007), South Korea (ISBN 978-89-5519-131-8 93560)		20	/	914-919	2007
2	Xây dựng agent giao diện hỗ trợ lập trình sử dụng mạng Bayes (tác giả chính)	2	Bưu chính viễn thông & CNTT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu KH, triển khai CNTT-TT"). Đã đổi tên thành CNTT & TT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT" ISSN 1859-3526)		3	2/	83-89	2007
3	An efficient method for filtering image-based spam email (tác giả chính)	2	Proceedings of 12th Int. Conf. on Computer Analysis of Images and Patterns (CAIP 2007), Viena, Austria. LNCS (ISBN 978-3-540-74271-5)		44	4673/	945-953	2007
4	Choosing SNPs Using Feature Selection (tác giả chính)	3	Journal of Bioinformatics and Computational biology (ISSN 0219-7200)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.845)	73	4/2	241-257	2006
5	Kết hợp dữ liệu không đồng nhất cho phân loại gien (tác giả duy nhất)	1	Bưu chính viễn thông & CNTT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu KH, triển khai CNTT-TT"). Đã đổi tên thành CNTT & TT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT" ISSN 1859-3526)			16/	115-123	2006
6	Phát hiện xâm nhập trái phép mạng không dây sử dụng tác tử với cơ chế học máy (tác giả chính)	2	Kỷ yếu hội nghị quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT và truyền thông ICT.rda 2006			/	313-322	2006

7	Multiple alignment of protein sequences with repeats and rearrangements (tác giả chính)	4	Nucleic acids research (ISSN 0305-1048)	SCI (KHTN-CN) (IF: 11.147)	48	34/20	5932-5942	2006
8	Công cụ hỗ trợ tạo Web có ngữ nghĩa sử dụng kỹ thuật tách thông tin từ văn bản (tác giả chính)	2	Bưu chính viễn thông & CNTT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu KH, triển khai CNTT-TT"). Đã đổi tên thành CNTT & TT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT" ISSN 1859-3526)			14/	72-80	2005
9	Regression trees for regulatory element identification (tác giả chính)	3	Bioinformatics (ISSN 1367-4803)	SCI (KHTN-CN) (IF: 4.531)	42	20/5	750-757	2004
10	Thuật toán Q phân tán cho hệ đa tác tử (tác giả duy nhất)	1	Bưu chính viễn thông & CNTT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu KH, triển khai CNTT-TT"). Đã đổi tên thành CNTT & TT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT" ISSN 1859-3526)			12/	41-49	2004
11	An application of support vector machines for fault diagnosis	2	Proceedings of Int. Conf. on Electronics, Informatics, and Communications, Hanoi 2004		1	/	371-375	2004
12	Learning rules to extract protein interactions from biomedical text (tác giả chính)	3	Proceedings of 7th Pacific Asia Conf. on Knowledge Discovery & Data Mining (PAKDD 2003), Korea (LNAI) (ISBN 3-540-04760-3)		17	2637/	148-158	2003
13	Thuật toán lập lịch trong môi trường phân tán theo tiếp cận agent (tác giả chính)	3	Bưu chính viễn thông & CNTT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu KH, triển khai CNTT-TT"). Đã đổi tên thành CNTT & TT (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT&TT" ISSN 1859-3526)			9/	70-76	2003
14	Information Extraction and Evaluation of Candidates with Fuzzy Set techniques (tác giả duy nhất)	1	Proceedings of Int. Conf. on Fuzzy Systems and Knowledge Discovery (FSKD'02), Singapore 2002 (ISBN 981-04-7520-9)			/	481-485	2002
15	Xây dựng một cơ chế tìm kiếm thông tin trên cơ sở logic mờ	2	Kỷ yếu hội thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của CNTT, 2001			/	210-220	2001
16	An abductive inference approach to relevance feedback in fuzzy information retrieval (tác giả chính)	2	Proceedings of 2nd Vietnam-Japan symposium on fuzzy systems and applications (VZFuzzy'01), 2001			/	121-126	2001

17	Agent-based electronic market place (tác giả chính)	2	Proceedings of 2nd Conf. on Information Technology in Asia (CITA'01), Malaysia 2001 (ISBN: 978-1-4799-1090-8)			/	428-439	2001
18	Композиционная модель соответствий для решения задач нечеткой технологической среды (A compositional correspondence model for fuzzy technological tasks)	2	Автоматика и вычислительная техника (Automatics and Computational techniques)(tạp chí tiếng Nga ISSN 0132-4160)			1993/6	33-40	1993

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
19	Graph-based context-aware collaborative filtering (tác giả chính)	3	Expert systems with applications (ISSN 0957-4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292)		126/	9-19	2019
20	Identifying intentions in forum posts with cross-domain data (tác giả chính)	3	Journal of heuristics (ISSN 1572-9397) (Scopus Q2)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.392)		25/	1-22	2019
21	Neural Session-Aware Recommendation (tác giả chính)	3	IEEE Access (ISSN 2169-3536)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.098)		7/1	86884-86896	2019
22	A POS tagging model for Vietnamese social media text using BiLSTM-CRF with rich features	3	Proceedings of The 16th Pacific Rim Int. Conf. on Artificial Intelligence (PRICAI 2019)			/	1-13	2019
23	An empirical study on POS tagging for Vietnamese social media text	3	Computer speech and language (ISSN 0885-2308) (Scopus Q2)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.857)	5	50/	1-15	2018
24	Speeding Up Convolutional Object Detection for Traffic Surveillance Videos (tác giả chính)	2	Proceedings of 10th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2018) (ISBN 978-1-5386-6113-0)			/	13-18	2018

25	Cross-Language Aspect Extraction for Opinion Mining	3	Proceedings of 10th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2018) (ISBN 978-1-5386-6113-0)			/	67-72	2018
26	An Entailment-based Scoring Method for Content Selection in Document Summarization	5	Proceedings of the 7th Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2018)(ISBN 978-1-4503-6539-0)			/	122-129	2018
27	Combining User-Based and Session-Based Recommendations with Recurrent Neural Networks (tác giả chính)	3	Proceedings of 25th International Conference on Neural Information Processing (ICONIP 2018)(ISBN 978-3-030-04166-3)		1	/	487-498	2018
28	3D convolutional networks for session-based recommendation with content features	2	Proceedings of 11th ACM Conf. on Recommender Systems (RecSys 2017). Italy (ISBN 978-1-4503-4652-8)		29	/	138-146	2017
29	Question Analysis for Vietnamese Legal Question Answering	4	Proceedings The 9th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2017)(ISBN 978-1-5386-3576-6)			/	154-159	2017
30	e-Shoes: Smart Shoes for Unobtrusive Human Activity Recognition	3	Proceedings of 9th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2017))(ISBN 978-1-5386-3576-6		5	/	269-274	2017
31	A bidirectional path planning algorithm for autonomous parallel car parking with smooth movement consideration	4	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2017) (ISBN 978-604-913-614-6)			/	1-8	2017
32	Hợp nhất lọc cộng tác và lọc nội dung bằng phương pháp học bán giám sát	3	Công nghệ thông tin và truyền thông (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông" ISSN 1859-3526)			18/38	1-11	2017
33	Một phương pháp cải tiến cho bài toán xác định các gen liên quan đến bệnh	4	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin FAIR 2016 (ISBN 978-604-913-472-2)			/	416-422	2016
34	An Orientation Histogram Based Approach for Fall Detection Using Wearable Sensors	3	Proceedings of The 14th Pacific Rim Int. Conf. on Artificial Intelligence (PRICAI 2016). Thailand (ISBN 978-3-319-42910-6)		5	/	354-366	2016
35	Motion Primitive Forests for Human Activity Recognition Using Wearable Sensors	3	Proceedings of The 14th Pacific Rim Int. Conf. on Artificial Intelligence (PRICAI 2016). Thailand (ISBN 978-3-319-42910-6)		5	/	340-353	2016

36	Giải pháp thống kê phương tiện giao thông sử dụng camera	3	Công nghệ thông tin và truyền thông (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông" ISSN 1859-3526)			15/35	55-62	2016
37	Personalized recommendation of stories for commenting in forum-based social media	3	Information Sciences (ISSN 0020-0255)	SCI (KHTN-CN) (IF: 5.524)	25	352-353/	48-60	2016
38	Cross-domain sentiment classification with word embeddings and canonical correlation analysis	3	Proceedings of the 7th Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2016) (ISBN 978-1-4503-4815-7)		7	/	159-166	2016
39	Một phương pháp phân hạng gen gây bệnh mới dựa trên tổng xác suất liên kết trong mạng tương tác protein	4	Công nghệ thông tin và truyền thông (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông" ISSN 1859-3526)			16/36	67-79	2016
40	Discovery of pathways in protein–protein interaction networks using a genetic algorithm	4	Data & Knowledge Engineering (ISSN 0169-023X) (Scopus Q2)	SCI (KHTN-CN) (IF: 1.583)	5	96-97/	19-31	2015
41	Leveraging User Ratings for Resource-poor Sentiment Classification	2	Proceedings of 19th Int. Conf. on Knowledge-Based and Intelligent Information & Engineering Systems, (KES 2015), Singapore. Procedia Computer Science 60 (ISSN 1877-0509)		9	60/	322-331	2015
42	Phân hạng gen gây bệnh sử dụng học tăng cường kết hợp với xác suất tiền nghiệm	4	Công nghệ thông tin và truyền thông (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông" ISSN 1859-3526)		2	13/33	55-66	2015
43	Paraphrase Identification in Vietnamese Documents	4	Proceedings The 7th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2015) (ISBN 978-1-4673-8013-3)		3	/	174-179	2015
44	Mining Vietnamese Comparative Sentences for Sentiment Analysis	4	Proceedings The 7th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2015) (ISBN 978-1-4673-8013-3)		9	/	162-167	2015
45	Similarity-based and rank-based defect prediction	4	Proceedings of 2014 Int. Conf. on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014) (ISBN 978-1-4799-6955-5)		7	/	321-325	2014

46	An empirical study on sentiment analysis for Vietnamese	3	Proceedings of 2014 Int. Conf. on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014) (ISBN 978-1-4799-6955-5)		22	/	309-324	2014
47	SigVer3D: Accelerometer Based Verification of 3-D Signatures on Mobile Devices	3	Proceedings The 6th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2014) (ISBN 978-3-319-11679-2)		8	/	353-365	2014
48	Discriminative Prediction of Enhancers with Word Combinations as Features	2	Proceedings The 6th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2014) (ISBN 978-3-319-11679-2)			/	35-47	2014
49	Nhận dạng cử chỉ người bằng phương pháp so khớp chuỗi thời gian động nhanh	4	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia lần thứ XVVII Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT (@2014)			/	229-234	2014
50	Phân loại dữ liệu có liên kết sử dụng phương pháp đồng huấn luyện	4	Tạp chí Khoa học ĐHQG HN: Khoa học và công nghệ ISSN 0866-8612			30/4	48-57	2014
51	Gene Function Prediction by Bootstrapping with Multiple Graphs (tác giả chính)	2	Information (ISSN 1343-4500)	Scopus (KHTN-CN)		16/2 B	1605-1614	2013
52	Lọc cộng tác với độ đo tương tự trên đồ thị	2	Công nghệ thông tin và truyền thông (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông" ISSN 1859-3526)			10/30	23-33	2013
53	A Wearable Sensor based Approach to Real-Time Fall Detection and Fine-Grained Activity Recognition	3	Journal of Mobile Multimedia (ISSN 1550-4646)	Scopus (KHTN-CN)	18	9/1	15-26	2013
54	Gender prediction using browsing history	2	Proceedings The 5th Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2013) (ISBN 978-3-319-02740-1)		11	/	271-283	2013
55	Enhancer prediction using distance aware kernels	2	Proceedings of 2013 Int. Conf. on Computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (RIVF 2013) (ISBN 978-1-4799-1349-7)		2	/	58-63	2013
56	Predicting gene function using similarity learning (tác giả chính)	2	BMC Genomics (ISSN 1471-2164)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.730)	7	14/(Sup4)/S4	1-12	2013
57	A classifier based approach to real-time fall detection using low-cost wearable sensors	3	Proceedings of 2013 Int. Conf. on Soft Computing and Pattern Recognition (SoCPaR 2013) (ISBN 978-1-4799-3400-3)		8	/	105-110	2013

58	Recognition of medication information from discharge summaries using ensembles of classifiers	5	BMC Medical informatics and decision making (ISSN 1472-6947)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.067)	31	12/36	1-10	2012
59	Classifying Vietnamese disease outbreak reports with important sentences and rich features	3	Proceedings of the 3rd Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2012) (ISBN:978-1-4503-1232-5)		1	/	260-265	2012
60	A keyword-topic model for contextual advertising	2	Proceedings of the 3rd Int. Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2012) (ISBN:978-1-4503-1232-5)		11	/	63-70	2012
61	Topic-based defect prediction	3	Proceedings of the 33rd The Int. Conf. on Software Engineering (ICSE 2011) NIER track. Hawaii, USA (ISBN 978-1-4503-0445-0)		36	/	932-935	2011
62	Machine learning based assessment of source code complexity for effort estimation in software migration	3	Tạp chí Khoa học & Công nghệ (Viện Hàn lâm KHCN VN). Chuyên san "Các công trình nghiên cứu về ĐT, VT và CNTT" ISSN 0866-708X			1/1	111-122	2010
63	EM-Coffee. An improvement of M-coffee	5	Proceedings The 2nd Int. Conf. on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2010) (ISBN 978-1-4244-8334-1)			/	14-19	2010
64	Active learning for co-clustering based collaborative filtering	2	Proceedings of 2010 Int. Conf. on Computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (RIVF 2010) (ISBN 978-1-4244-8074-6)		2	/	1-4	2010
65	Phân loại tổ hợp đa cấp và ứng dụng cho bài toán dò tìm biển số xe	3	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin FAIR'09			/	197-206	2009
66	Phát hiện bất thường trong mạng máy tính dựa trên phân tích nội dung gói tin	2	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia về Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ICT.rda 2008.			/	369-375	2008
67	Một giải pháp tìm kiếm nhanh K láng giềng gần nhất trong không gian nhiều chiều	3	Kỷ yếu Hội nghị quốc gia về Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ICT.rda 2008.			/	142-149	2008

68	Một số giải pháp lọc thư rác tiếng Việt	3	Công nghệ thông tin và truyền thông (Chuyên san "Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông" ISSN 1859-3526)			19/	102-112	2008
69	Collaborative filtering by multi-task learning	2	Proceedings of 2008 Int. Conf. on Computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (RIVF 2008) (ISBN 978-1-4244-2379-8).		21	/	227-232	2008
70	A graph-based model for combining content-based and collaborative filtering	3	Proceedings of The 10th Pacific Rim Int. Conf. on Artificial Intelligence (PRICAI-08). LNCS. (ISBN 978-3-540-89196-3)		19	5351/	859-869	2008

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXX-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư Không có.

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	Quy trình cảnh báo trạng thái buồn ngủ của lái xe (Bằng độc quyền sáng chế số 20878)	Cục sở hữu trí tuệ. Bộ Khoa học và Công nghệ	02/04/2019	6

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 1

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư

Không có.

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

Không có.

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

TT	Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò: Chủ trì/Tham gia	Tên cơ sở giáo dục đại học
1	Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin bằng tiếng Anh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Ban hành năm 2019	Chủ trì	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
2	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Ban hành năm 2016	Chủ trì	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
3	Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Ban hành năm 2015	Chủ trì	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

4	Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Ban hành năm 2010, 2013, 2016	Chủ trì	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
---	---	---------	---

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày..... tháng..... năm 201...

Người đăng ký

(Ghi rõ họ tên, ký tên)

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

..., ngày.....tháng.....năm 201...

Thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)